TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/DS-ST
Ngày 30/9/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Trung;
Ông Hoàng Quốc Hương.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Vương Hoàng Tuấn - Thư kýTòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Q (M); địa chỉ: A L, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q (M): Công ty TNHH Q1; địa chỉ: Số C L, phường N, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Q1 nợ và Khai thác tài sản: Ông Hà Anh D – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền ông Hà Anh D: Ông Trần Văn Đ - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh.

Đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn Đ:

+ Ông Lê Văn S - Chức vụ: Chuyên viên tố tụng. Có đơn đề nghị giải quyếtvắng mặt.

+ Ông Phạm Lê A - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Chánh T1 - Chuyên viên tố tụng. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tòa nhà N, I H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Minh C, sinh năm 1973 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: 3, tổ B, ấp I, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện hợp phápcủa nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/12/2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q – Chi nhánh B đã ký Hợp đồng cho vay với bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C như sau:

Số Hợp đồng	**Số khế ước**	**Mục đích vay**	**Ngày nhận nợ**	**Lãi suất/ năm**	**Ngày đến hạn**	**Số tiền phát vay** *(đồng)*
Hợp đồng cho vay số: 0001.23.142.29543 977.TD	Số:...	Vay mua bất động sản	11/2024	7%	10/2025	3.840.000.000
Tổng số tiền giải ngân:			***3.840.000.000 đồng***			

Tài sản bảo đảm: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số: 1094, tờ bản đồ: 44; địa chỉ: Thị trấn P, huyện P tỉnh Bình Dương. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 207074; số vào sổ cấp GCN: CS06451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/03/2018, cập nhật tặng cho bà Đinh Thị H ngày 27/11/2018.

Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số:246536.23.142.29543977.BĐ ký ngày 04/12/2023 số Công chứng số: 10921, quyển số 12/2023/TP/CC-SCC/HĐGD và đã được Ngân hàng đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, dư nợ: Từ tháng 02/2024, bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C đã không trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ cho nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn.
Dư nợ tạm tính của bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C đến ngày 30/9/2025 tại Ngân hàng M1 là:

Đơn vị: đồng

Nợ gốc	**Nợ lãi**	**Tổng cộng**
3.840.000.000	**214.935.019**	**4.054.935.019**

Nay, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ với số tiền tính đến hết ngày 30/9/2025 là: 4.054.935.019 đồng (Bốn tỷ, không trăm năm

mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm mười chín đồng), trong đó bao gồm 3.840.000.000 đồng nợ gốc; 214.935.019 đồng nợ lãi;

- Kể từ ngày 01/10/2025, bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB, tài sản bảo đảm là:

Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số: 1094, tờ bản đồ: 44; địa chỉ: Thị trấn P, huyện P tỉnh Bình Dương. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 207074; số vào sổ cấp GCN: CS06451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/03/2018, cấp nhật tặng cho bà Đinh Thị H ngày 27/11/2018.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C đối với Ngân hàng M1. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng MB

Theo bản tự khai bị đơn bà Đinh Thị H trình bày: Ngày 04/12/2023, bà H có vay của Ngân hàng TMCP Q số tiền 3.840.000.000 nợ gốc. Có thế chấp tài sản là thửa đất số: 1094, tờ bản đồ: 44; địa chỉ: Thị trấn P, huyện P tỉnh Bình Dương. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 207074; số vào sổ cấp GCN: CS06451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/03/2018. Nay bà đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự gỡ phong tỏa tài sản nêu trên để thực hiện chuyển nhượng tài sản để thanh toán nợ cho ngân hàng.

Theo bản tự khai bị đơn ông Đỗ Minh C trình bày: Ngày 04/12/2023, ông C và bà H có vay của Ngân hàng TMCP Q số tiền 3.840.000.000nợ gốc. Có thế chấp tài sản là thửa đất số: 1094, tờ bản đồ: 44; địa chỉ: Thị trấn P, huyện P tỉnh Bình Dương. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 207074; số vào sổ cấp GCN: CS06451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/03/2018. Nay ông đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự gỡ phong tỏa tài sản nêu trên để thực hiện chuyển nhượng tài sản để thanh toán nợ cho ngân hàng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đonvắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và của đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 429, Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 4.054.935.019 đồng. Đồng thời, bị đơn phải thanh toán khoản lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay nêu trên sau ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bà H và ông C không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q2 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyềngiải quyết: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo (nay là Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh). Bị đơn có địa chỉ tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo (nay là Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có ký hợp Hợp đồng tín dụng với bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C cụ thể: Hợp đồng cho vay số 0001.23.142.29543977.TD ngày 04/12/2023 số tiền vay là 3.840.000.000 đồng. Bị đơn bà H, ông C thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng số 0001.23.142.29543977.TD ngày 04/12/2023 với Ngân hàng TMCP Q để vay số số tiền vay là 3.840.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Do bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP Q chuyển toàn bộ khoản nợ của bà H, ông C là nợ quá hạn. Yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà H, ông C phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Q đến hết ngày 30/9/2025 là: 4.054.935.019 đồng (Bốn

tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm mười chín đồng), trong đó bao gồm 3.840.000.000 đồng nợ gốc; 214.935.019 đồng nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0001.23.142.29543977.TD ngày 04/12/2023.

[3.3] Xét về Hợp đồng tín dụng: Ngân hàng TMCP Q ký kết hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C phù hợp điều lệ của ngân hàng, phù hợp quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C không thực hiện việc thanh toán trả nợ gốc, nợ lãi theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn đã khởi kiện ra Toà án, yêu cầu bị đơn bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 30/09/2025 là: 4.054.935.019 đồng (Bốn tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm mười chín đồng) là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Ngân hàng TMCP Q yêu cầu được tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 01/10/2025 đến thời điểm bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C thanh toán xong nợ gốc theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụnglà có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Về tài sản thế chấp và hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, bị đơn đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q thửa đất số 1094, tờ bản đồ: 44; địa chỉ: Thị trấn P, huyện P tỉnh Bình Dương. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 207074; số vào sổ cấp GCN: CS06451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/03/2018, cập nhật tặng cho bà Đinh Thị H ngày 27/11/2018. Xét Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 246536.23.142.29543977.BĐ ký ngày 04/12/2023 số Công chứng số: 10921, quyển số 12/2023/TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C: Việc thế chấp tài sản nêu trên đều được chủ sử dụng, sở hữu hợp pháp đứng ra thế chấp và việc thế chấp được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia ký kết. Vì vậy, trong trường hợp bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C1 trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng TMCP Q quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các phương thức và nội dung quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số246536.23.142.29543977.BĐ ký ngày 04/12/2023 số Công chứng số: 10921, quyển số 12/2023/TP/CC-SCC/HĐGDhoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp đã thực hiện xong nghĩa vụ trả

nợ của bị đơn mà vẫn còn dư thì bị đơnbà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C2 nhận lại số tiền này.

[4] Xét đề nghị của bị đơn về việc đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự gỡ phong tỏa tài sản nêu trên để thực hiện chuyển nhượng tài sản để thanh toán nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên, toàn bộ hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hiện nội dung này. Nguyên đơn cũng không có văn bản đồng ý về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhậnđề nghị của bị đơn.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp 1.000.000 đồng để trả lại cho nguyên đơn.

[6] Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 292, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự;

- Điều 26Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q với bị đơn bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

2.Buộc bị đơn bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là 4.054.935.019đ (Bốn tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm mười chín đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 3.840.000.000 đồng (Ba tỷ tám trăm bốn

mươi nghìn đồng). Nợ lãi: 214.935.019 đồng (Hai trăm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn không trăm mười chín đồng).

3.Tiếp tục tính lãi suất phát sinh từ ngày 01/10/2025 theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 0001.23.142.29543977.TD ngày 04/12/2023được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q với bị đơn bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C.

4.Trường hợp bị đơn bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C3 tất toán hết số tiền nợ gốc, các loại lãi phát sinh đến ngày thanh toán thì nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ bản chính các giấy tờ tài sản thế chấp cho bị đơn.

5. Trường hợp bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng TMCP Q quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các phương thức và nội dung quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số246536.23.142.29543977.BĐ ký ngày 04/12/2023 số Công chứng số: 10921, quyển số 12/2023/TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q với bị đơn bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C4 yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng.

6. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q thì bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn đến khi hết nợ theo Hợp đồng cho vay số 0001.23.142.29543977.TD ngày 04/12/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C.

7. Về chi phí xem xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí tố tụng: Bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C phải hoàn trả lại cho nguyên đơn 1.000.000 đồng (mộttriệu đồng).

8.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đinh Thị H và ông Đỗ Minh C phải nộp số tiền 112.054.935đồng (Một trăm mười hai triệu không trăm năm mươi tư nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng)án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 55.089.000 đồng (Năm mươi lăm triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003030ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (nay thuộc Thi hành án dân sự Thành phố H).

9.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố H;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố H;
- Thi hành án dân sự Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Ân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Quốc Hương **Phạm Văn Trung** **Nguyễn Thị Mùi**